

Câu	Phần	Nội dung	Điểm																																																				
1	a.	<p>Hoa hồng bán hàng 1 sản phẩm tiêu thụ = <math>30.000/600 = 50</math> trđ/sp</p> <p>Chi phí BH cao nhất và thấp nhất là tháng 3 và tháng 5, cụ thể:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Tháng 3</th> <th>Tháng 5</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Hoa hồng bán hàng</td> <td>55.000</td> <td>30.000</td> </tr> <tr> <td>Tiền lương bộ phận quản lý</td> <td>60.000</td> <td>60.000</td> </tr> <tr> <td>Chi phí khấu hao tài sản cố định</td> <td>50.000</td> <td>50.000</td> </tr> <tr> <td>Chi phí bao bì, đóng gói</td> <td>11.000</td> <td>6.000</td> </tr> <tr> <td>Chi phí dịch vụ mua ngoài</td> <td>104.000</td> <td>64.000</td> </tr> <tr> <td><b>Tổng</b></td> <td><b>280.000</b></td> <td><b>210.000</b></td> </tr> </tbody> </table> <p>Phương trình dự toán chi phí dịch vụ mua ngoài</p> <p>Biến phí đơn vị = <math>\frac{104.000 - 64.000}{1.100 - 600} = 80</math> trđ/sp</p> <p>Định phí = <math>64.000 - (600 \times 80) = 16.000</math> trđ</p> <p>=&gt; Phương trình dạng <math>Y = 80X + 16.000</math></p> <p>(Với Y là CP dịch vụ mua ngoài và X là số lượng sản phẩm tiêu thụ)</p>		Tháng 3	Tháng 5	Hoa hồng bán hàng	55.000	30.000	Tiền lương bộ phận quản lý	60.000	60.000	Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.000	50.000	Chi phí bao bì, đóng gói	11.000	6.000	Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.000	64.000	<b>Tổng</b>	<b>280.000</b>	<b>210.000</b>	1,5																															
			Tháng 3	Tháng 5																																																			
		Hoa hồng bán hàng	55.000	30.000																																																			
Tiền lương bộ phận quản lý	60.000	60.000																																																					
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.000	50.000																																																					
Chi phí bao bì, đóng gói	11.000	6.000																																																					
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.000	64.000																																																					
<b>Tổng</b>	<b>280.000</b>	<b>210.000</b>																																																					
<p>Tổng định phí tháng = <math>60.000 + 50.000 + 16.000 = 126.000</math> trđ</p>	0,5																																																						
<p><b>b.</b></p> <p>Nếu mức tiêu thụ dự kiến 1.200 sản phẩm</p> <p>Chi phí DV mua ngoài = <math>80 \times 1.200 + 16.000 = 112.000</math> triệu đồng</p> <p>Chi phí bán hàng:</p> <p><math>(50 \times 1.200) + 60.000 + 50.000 + (10 \times 1.200) + 112.000 = 294.000</math> trđ</p>	1,0																																																						
<b>Tổng cộng</b>			<b>3,0đ</b>																																																				
2	a.	<p><b>Báo cáo kết quả HĐKD - Năm 2019</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Số tiền</th> <th></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Doanh thu</td> <td>900.000</td> <td></td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Biến phí</td> <td>646.000</td> <td></td> </tr> <tr> <td></td> <td>Chi phí NVL trực tiếp</td> <td>160.000</td> <td>0,25</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Chi phí nhân công trực tiếp</td> <td>75.000</td> <td>0,25</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Chi phí sản xuất chung</td> <td>251.000</td> <td>0,25</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Chi phí bán hàng</td> <td>95.000</td> <td>0,25</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Chi phí QLDN</td> <td>65.000</td> <td>0,25</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Số dư đảm phí</td> <td>254.000</td> <td>0,25</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Định phí</td> <td>140.000</td> <td></td> </tr> <tr> <td></td> <td>Chi phí bán hàng</td> <td>80.000</td> <td>0,25</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Chi phí QLDN</td> <td>60.000</td> <td>0,25</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Lợi nhuận</td> <td>114.000</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	STT	Chỉ tiêu	Số tiền		1	Doanh thu	900.000		2	Biến phí	646.000			Chi phí NVL trực tiếp	160.000	0,25		Chi phí nhân công trực tiếp	75.000	0,25		Chi phí sản xuất chung	251.000	0,25		Chi phí bán hàng	95.000	0,25		Chi phí QLDN	65.000	0,25	3	Số dư đảm phí	254.000	0,25	4	Định phí	140.000			Chi phí bán hàng	80.000	0,25		Chi phí QLDN	60.000	0,25	5	Lợi nhuận	114.000		
		STT	Chỉ tiêu	Số tiền																																																			
		1	Doanh thu	900.000																																																			
		2	Biến phí	646.000																																																			
			Chi phí NVL trực tiếp	160.000	0,25																																																		
			Chi phí nhân công trực tiếp	75.000	0,25																																																		
			Chi phí sản xuất chung	251.000	0,25																																																		
			Chi phí bán hàng	95.000	0,25																																																		
			Chi phí QLDN	65.000	0,25																																																		
		3	Số dư đảm phí	254.000	0,25																																																		
		4	Định phí	140.000																																																			
			Chi phí bán hàng	80.000	0,25																																																		
			Chi phí QLDN	60.000	0,25																																																		
5	Lợi nhuận	114.000																																																					

Câu	Phần	Nội dung	Điểm																																																												
		Độ lớn đòn bẩy hoạt động = $CM/Pr = 254.000/114.000 = 2,23$ Doanh thu hòa vốn = $FC/\%CM = 140.000/(254.000/900.000)$ $= 496.063 \text{ trđ}$ Sản lượng hòa vốn = $FC/CM_U = 140.000/(254.000/50.000) = 27.559 \text{ sp}$	0,5																																																												
	<b>b.</b>	Đơn giá định mức bình quân một giờ công ( $r_0$ ): Tổng biến động về nhân công trực tiếp: 5.800.000 đồng và biến động năng suất của nhân công trực tiếp: -9.000.000 đồng => Biến động giá: $h_1r_1 - h_1r_0 = 5.800.000 + 9.000.000 = 14.800.000 \text{ đồng}$ Với tổng chi phí thực tế ( $h_1r_1$ ) là 680.000.000đ $\Rightarrow h_1r_0 = 680.000.000 - 14.800.000 = 665.200.000\text{đ}$ Tổng số giờ nhân công trực tiếp ( $h_1$ )v là 14.800 giờ $\Rightarrow r_0 = 665.200.000/14.800 = 45.000 \text{ đồng/giờ}$	0,5																																																												
		Tổng số giờ định mức theo số lượng sản phẩm ( $h_0$ ): Biến động năng suất của nhân công trực tiếp ( $h_1r_0 - h_0r_0$ ): - 9.000.000 đồng $\Rightarrow h_0 = \frac{h_1r_1 + 9.000.000}{r_0} = \frac{14.800 \times 45.000 + 9.000.000}{45.000} = 15.000 \text{ giờ}$	0,25																																																												
		Số giờ định mức cho mỗi sản phẩm = $15.000/7.500 = 2 \text{ giờ/sp}$	0,25																																																												
<b>Tổng cộng</b>			<b>3,5đ</b>																																																												
<b>3</b>	<b>a.</b>	<b>Dự toán tiêu thụ sản phẩm A - Năm 2020</b> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Quý 1</th> <th>Quý 2</th> <th>Quý 3</th> <th>Quý 4</th> <th>Cả năm</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Số lượng SP tiêu thụ (sp)</td> <td>12.000</td> <td>15.000</td> <td>15.000</td> <td>18.000</td> <td>60.000</td> </tr> <tr> <td>Đơn giá bán (trđ/sp)</td> <td>4</td> <td>4</td> <td>4</td> <td>4</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td>Tổng doanh thu (trđ)</td> <td>48.000</td> <td>60.000</td> <td>60.000</td> <td>72.000</td> <td>240.000</td> </tr> </tbody> </table> <b>SỐ TIỀN DỰ KIẾN THU ĐƯỢC QUA CÁC QUÝ (triệu đồng)</b> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tbody> <tr> <td>Năm trước chuyển sang</td> <td>11.500</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td>11.500</td> </tr> <tr> <td>Tiền thu được từ DT quý 1</td> <td>36.000</td> <td>10.560</td> <td></td> <td></td> <td>46.560</td> </tr> <tr> <td>Tiền thu được từ DT quý 2</td> <td></td> <td>45.000</td> <td>13.200</td> <td></td> <td>58.200</td> </tr> <tr> <td>Tiền thu được từ DT quý 3</td> <td></td> <td></td> <td>45.000</td> <td>13.200</td> <td>58.200</td> </tr> <tr> <td>Tiền thu được từ DT quý 4</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td>54.000</td> <td>54.000</td> </tr> <tr> <td>Tổng cộng số tiền thu được</td> <td>47.500</td> <td>55.560</td> <td>58.200</td> <td>67.200</td> <td>228.460</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Số tiền dự kiến thu được qua các quý: 1,25đ (mỗi cột 0,25đ)            - Xác định đến tổng doanh thu: 0,75 đ</p>	Chỉ tiêu	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Cả năm	Số lượng SP tiêu thụ (sp)	12.000	15.000	15.000	18.000	60.000	Đơn giá bán (trđ/sp)	4	4	4	4	4	Tổng doanh thu (trđ)	48.000	60.000	60.000	72.000	240.000	Năm trước chuyển sang	11.500				11.500	Tiền thu được từ DT quý 1	36.000	10.560			46.560	Tiền thu được từ DT quý 2		45.000	13.200		58.200	Tiền thu được từ DT quý 3			45.000	13.200	58.200	Tiền thu được từ DT quý 4				54.000	54.000	Tổng cộng số tiền thu được	47.500	55.560	58.200	67.200	228.460	0,75
Chỉ tiêu	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Cả năm																																																										
Số lượng SP tiêu thụ (sp)	12.000	15.000	15.000	18.000	60.000																																																										
Đơn giá bán (trđ/sp)	4	4	4	4	4																																																										
Tổng doanh thu (trđ)	48.000	60.000	60.000	72.000	240.000																																																										
Năm trước chuyển sang	11.500				11.500																																																										
Tiền thu được từ DT quý 1	36.000	10.560			46.560																																																										
Tiền thu được từ DT quý 2		45.000	13.200		58.200																																																										
Tiền thu được từ DT quý 3			45.000	13.200	58.200																																																										
Tiền thu được từ DT quý 4				54.000	54.000																																																										
Tổng cộng số tiền thu được	47.500	55.560	58.200	67.200	228.460																																																										
		Số phải thu khách hàng còn lại vào cuối năm 2020 là 15.840 triệu đồng (22% doanh thu của quý 4)	0,25																																																												

Câu	Phần	Nội dung	Điểm																																				
	<i>b.</i>	<p><b>Dự toán sản xuất sản phẩm A - Năm 2020</b> (Đvt: sản phẩm)</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Quý 1</th> <th>Quý 2</th> <th>Quý 3</th> <th>Quý 4</th> <th>Cả năm</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Số lượng tiêu thụ dự toán</td> <td>12.000</td> <td>15.000</td> <td>15.000</td> <td>18.000</td> <td>60.000</td> </tr> <tr> <td>Số lượng tồn kho cuối kỳ</td> <td>3.000</td> <td>3.000</td> <td>3.600</td> <td>2.800</td> <td>2.800</td> </tr> <tr> <td>Tổng nhu cầu</td> <td>15.000</td> <td>18.000</td> <td>18.600</td> <td>20.800</td> <td>62.800</td> </tr> <tr> <td>Số lượng tồn kho đầu kỳ</td> <td>2.400</td> <td>3.000</td> <td>3.000</td> <td>3.600</td> <td>2.400</td> </tr> <tr> <td>Số lượng cần sản xuất</td> <td>12.600</td> <td>15.000</td> <td>15.600</td> <td>17.200</td> <td>60.400</td> </tr> </tbody> </table> <p><i>Mỗi cột 0,25đ</i></p>	Chỉ tiêu	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Cả năm	Số lượng tiêu thụ dự toán	12.000	15.000	15.000	18.000	60.000	Số lượng tồn kho cuối kỳ	3.000	3.000	3.600	2.800	2.800	Tổng nhu cầu	15.000	18.000	18.600	20.800	62.800	Số lượng tồn kho đầu kỳ	2.400	3.000	3.000	3.600	2.400	Số lượng cần sản xuất	12.600	15.000	15.600	17.200	60.400	1,25
Chỉ tiêu	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Cả năm																																		
Số lượng tiêu thụ dự toán	12.000	15.000	15.000	18.000	60.000																																		
Số lượng tồn kho cuối kỳ	3.000	3.000	3.600	2.800	2.800																																		
Tổng nhu cầu	15.000	18.000	18.600	20.800	62.800																																		
Số lượng tồn kho đầu kỳ	2.400	3.000	3.000	3.600	2.400																																		
Số lượng cần sản xuất	12.600	15.000	15.600	17.200	60.400																																		
		<b>Tổng cộng</b>	<b>3.5đ</b>																																				